

Bản án số: 272/2022/DS-PT

Ngày: 04-11-2022

“Tranh chấp hợp đồng góp vốn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán:

bà Dương Thúy Hằng;

ông Trần Tuấn Vũ.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: tranh chấp “Hợp đồng góp vốn”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn M1, sinh năm 1959; trú tại: khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Trần M2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1976; cùng trú tại: ấp X, xã T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mỹ N: ông Trần M2 là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền lập ngày 28-6-2022); ông Trần M2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Nguyễn M1 trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 25-5-2018 ông và vợ chồng ông Trần M2, bà Nguyễn Thị Mỹ N hùn mua 02 phần đất diện tích 9.280 m² thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã Thanh Tân, thành phố Tây Ninh giá 2.000.000.000 đồng và phần đất diện tích 1.317,4 m² thuộc thửa số 201, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giá 1.000.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000.000 đồng, ông và vợ chồng ông M2 mỗi bên hùn 1.500.000.000 đồng. Khi mua để cho vợ chồng ông M2, bà N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cần tiền nên ông Nguyễn M1 yêu cầu vợ chồng ông M2, bà N chuyển nhượng hai phần đất trên, nhưng sau đó, ông M2 bà N đã tự chuyển nhượng đất cho người khác mà không giao tiền lại cho ông. Sau khi sang nhượng đất, ông đòi tiền thì ngày 10-02-2020 hai bên bàn bạc và thống nhất, vợ chồng ông M2, bà N viết giấy nhận nợ cho ông thỏa thuận trị giá phần đất gần nghĩa địa là 3.600.000.000 đồng, phần đất gần bờ kinh giá 2.000.000.000 đồng, tổng cộng là 5.600.000.000 đồng. Ông M2, bà N thỏa thuận lấy lại 02 phần đất chia số tiền làm hai mỗi người 2.800.000.000 đồng, ghi còn nợ lại ông số tiền là 2.800.000.000 đồng và cam kết thời hạn 06 tháng trả lại đủ 2.800.000.000 đồng cho ông, ông Trần M2 và Nguyễn Thị Mỹ N cùng ký và ghi họ tên.

Tuy nhiên, đã hết thời gian thỏa thuận, ông nhiều lần đến nhà ông Trần M2 yêu cầu trả lại số tiền nêu trên nhưng ông M2, bà N hứa hẹn sau đó né tránh không trả.

Nay, ông yêu cầu ông Trần M2, bà Nguyễn Thị Mỹ N trả cho ông số tiền là 2.800.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-6-2022 và ngày 05-8-2022 bị đơn - ông Trần M2 trình bày:

Ông thừa nhận ngày 25-5-2018 ông và bà N có hùn vốn cùng với ông Nguyễn M1 mua hai phần đất diện tích 9.280 m² thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã Thanh Tân, thành phố Tây Ninh giá 2.000.000.000 đồng và phần đất diện tích 1.317,4 m² thuộc thửa số 201, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, mỗi bên hùn 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 10-02-2020, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự định giá đất là 5.600.000.000 đồng, mỗi bên hưởng lợi ½. Do vợ chồng ông nhận đất nên thỏa thuận giao lại cho ông Nguyễn M1 số tiền 2.800.000.000 đồng, trong đó tiền vốn 1.500.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 2.800.000.000 đồng, vợ chồng ông có viết giấy nhận và hẹn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 10-02-2020 trả hết tiền cho ông M1, hai vợ chồng ông cùng ký tên và giao bản chính giấy nợ cho ông M1 giữ.

Hai phần diện tích đất nêu trên, quá trình làm việc ông Trần M2 thừa nhận

đã chuyển nhượng cho người khác nhưng từ chối cung cấp thông tin. Hiện nay, gia đình ông gặp khó khăn nên chỉ đồng ý thanh toán lại cho ông Nguyễn M1 tiền hùn vốn mua đất là 1.500.000.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 12-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” của ông Nguyễn M1 đối với ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn M1 số tiền 2.800.000.000 đồng. Ghi nhận ông Nguyễn M1 không yêu cầu tính lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 05-9-2022, ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; vợ chồng ông M2 - bà N chấp nhận trả cho ông M1 số tiền 1.500.000.000 đồng vốn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến số tiền lãi 1.300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N là người kháng cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn – ông Nguyễn M1, bị đơn – ông Trần M2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy, sau khi ông Trần M2, bà Nguyễn Thị Mỹ N chuyển nhượng hai phần đất cho người khác và thống nhất giá trị hai phần đất là 5.600.000.000 đồng. Vợ chồng ông M2, bà N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn M1 số tiền 2.800.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 10-02-2020 theo Giấy nợ lập ngày 10-02-2020 nhưng đến nay vợ chồng ông M2, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn M1. Do đó, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông

M2, bà N trả cho ông Nguyễn M1 số tiền 2.800.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 88.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001296 ngày 05-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không Chấp nhận kháng cáo của ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 274, 275, Điều 505, 507 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M1 đối với ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn M1 số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ, tám trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông Nguyễn M1 không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng.

- Ông Nguyễn M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần M2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001296 ngày 05-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS tp Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hữu Chiến